

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN,
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hà Thị Kim Nhật.

- Ông Vũ Đình Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 52/2024/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Hà Văn C**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Hà Văn C kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 30/3/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, đến tháng 4/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hà Văn C thường xuyên rượu chè không chịu làm ăn, kèm theo tính gia trưởng hay chửi mắng đánh đuổi vợ con nên bà phải về nhà bố mẹ để ở tạm, sau đó ông C bảo bà về nhà và mời gia đình hai bên đến để hòa giải nhưng ông C không thay đổi, ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Hà Văn C. Về con chung ông bà có 03 con chung là Hà Văn T, sinh năm 1991, Hà Thị P, sinh năm 1993 và Hà Văn T1, sinh năm 1999, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hà Văn C thể hiện: Ông C, bà D kết hôn đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 30/3/1990. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D ngoại tình, ông C đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà D không thay đổi. Từ tháng 4/2022 bà D bỏ nhà đi và ông bà cũng sống ly thân từ đó. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bà D xin ly hôn ông đồng ý. Về con chung ông bà có 03 con chung là Hà Văn T, sinh năm 1991, Hà Thị P, sinh năm 1993 và Hà Văn T1, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành. Ông Hà Văn C không đến Tòa án và không ký vào bất cứ văn bản nào của Tòa án mặc kệ bà D tự giải quyết vụ án.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D, ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/2/2024, Trưởng thôn Dù, xã C, huyện V cho biết: Bà D và ông C kết hôn có đăng ký tại xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị D và ông Hà Văn C thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D ngoại tình, ông C đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà D không thay đổi từ đó ông C trở nên chán và uống rượu chè say và hay chửi mắng bà D về chuyện ngoại tình trước đây, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 4/2022 bà D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Ông C đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án. Bà D và ông C có 03 con chung là Hà Văn T, sinh năm 1991, Hà Thị P, sinh năm 1993 và Hà Văn T1, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Hà Văn C; về con chung các con đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hà Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hà Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị D và ông Hà Văn C .

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Hà Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 30/3/1990 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Hà Văn C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị D và ông Hà Văn C có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà D cho rằng ông C thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, tính tình gia trưởng hay chửi mắng vợ con, ông C cho rằng bà D ngoại tình, ông C đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà D không thay đổi từ đó ông C trở nên chán và uống rượu chè say và hay chửi mắng bà D về chuyện ngoại tình trước đó dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện vợ chồng ly thân, bà D xin ly hôn ông C đồng ý nhưng không đến Tòa và không ký vào các giấy tờ liên quan. Hội đồng xét xử thấy quan hệ vợ chồng của ông C và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của bà D phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Các con chung của ông C bà D đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Hà Văn C

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2023/0000620 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chân tỉnh Yên Bái, bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chân;
- Chi cục THADS huyện Văn Chân;
- UBND xã Chân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hoa Quỳnh

